

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

---

***Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007***  
***(từ 01/12/2006 đến 31/12/2007)***  
**(Đã được kiểm toán)**



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>2 - 4</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>5 - 6</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	<b>7 - 30</b>
Bảng Cân đối kế toán	7-10
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	12-13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14- 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tài chính hợp nhất của Tổng Công ty năm 2007 bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc ngày 31/12/2007.

### **Tổng Công ty**

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam là Tổng Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam (Tổng Công ty Nhà nước).

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103014768 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 01/12/2006, lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa, các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Dịch vụ mua, bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đầu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty TNHH;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty TNHH đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá;
- Các hoạt động khác liên quan đến kinh doanh công trình tại nước ngoài;

- Đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh và các doanh nghiệp có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt, may công nghiệp;
- Dịch vụ mua, bán và chế biến hàng nông, lâm: gỗ tròn, gỗ sơ chế, gỗ tinh chế, cà phê nhân và nông sản các loại (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển;
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01/12/2006 là 1.500.000.000.000 đồng (một nghìn năm trăm tỷ đồng).

#### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

#### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

##### **Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2006
Ông Trương Quang Nghĩa	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2006
Ông Trịnh Hoàng Duy	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2006
Ông Tô Ngọc Thành	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2006
Ông Nguyễn Đình Thiết	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2006
Ông Phan Minh Tuấn	Ủy viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2006

##### **Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:**

Ông Trương Quang Nghĩa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006
Ông Mai Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006
Ông Vương Công San	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Ngọc Điệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006
Ông Nguyễn Huy Tường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2007
Ông Nguyễn Thành Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006
Ông Đoàn Châu Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2007
Ông Lê Công Ích	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006
Ông Trần Văn Tám	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2007
Ông Nguyễn Đình Thiết	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2007

**Ban kiểm soát gồm:**

Ông Đặng Thanh Huân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006
Ông Bùi Đình Cư	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006
Ông Phạm Chí Sơn	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006
Khổng Văn Minh	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006
Trần Thị Lan Hương	Ủy Viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2006

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007 (từ 01/12/2006 đến 31/12/2007) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA).

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Tổng Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc ngày 31/12/2007. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các tài liệu kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2007 bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán ngày 29/06/2006, Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

*Chúng tôi, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007 bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc ngày 31/12/2007 của Tổng Công ty.*

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2008.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2008.

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

TRƯƠNG QUANG NGHĨA





Số: 67/BCKT-TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm tài chính 2007 (từ ngày 01/12/2006 đến 31/12/2007)  
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam.*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị  
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2007 (từ 01/12/2006 đến 31/12/2007) của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam lập ngày 20 tháng 03 năm 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2007 bắt đầu từ ngày 01/12/2006 đến 31/12/2007 được trình bày từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến***

Căn cứ vào các ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2007 từ 01/12/2006 đến 31/12/2007 của khối văn phòng Tổng Công ty và về Báo cáo tài chính của các Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên***

Tại thời điểm 31/12/2007 các khoản tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định mà kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê, với những tài liệu hiện có ở đơn vị kiểm toán viên cũng không thể kiểm tra được đúng đắn số lượng hàng tồn kho tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác lần lượt là: 12.073.591.530 đồng, 158.243.507.148 đồng và 184.128.816.065 đồng.

Các khoản công nợ phải thu và phải trả tại 31/12/2007 chưa có đối chiếu xác nhận lần lượt là: 224.785.795.388 đồng và 334.094.802.270 đồng.

Công ty diện Miền bắc 2 đang tạm theo dõi giá trị các hạng mục công trình chưa đủ điều kiện quyết toán trên tài khoản 242 "chi phí trả trước dài hạn" số tiền 13.497.891.234 đồng.

Năm 2007, Công ty CP xây dựng số 3, Công ty CP Vinaconex Sài Gòn, Công ty CP Quyết Thắng, Công ty CP Vinaconex 27 trích thiếu khoản chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định lần lượt là: 3.882.753.230 đồng, 6.442.504.154 đồng, 709.643.899 đồng, 765.097.540 đồng.

***Ý kiến của kiểm toán viên:***

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam tại ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2007, bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2008*

**Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và  
Kiểm toán Việt Nam (AVA)**

**Giám đốc**



**Th.s Nguyễn Minh Hải**

**Chứng chỉ KTV số: 0287/KTV**

**Kiểm toán viên**

**Phạm Thị Hường**

**Chứng chỉ KTV số: 0161/KTV**



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2007	01/12/2006
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>9.347.931.942.887</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>1.608.219.863.892</b>	
1. Tiền		1.444.069.863.892	
2. Các khoản tương đương tiền		164.150.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>267.438.044.820</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	V.2	267.438.044.820	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.765.547.815.093</b>	
1. Phải thu khách hàng		2.152.638.456.408	
2. Trả trước cho người bán		1.116.801.317.824	
3. Phải thu ngắn hạn nội bộ			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng		53.022.054.056	
5. Các khoản phải thu khác	V.3	449.128.226.873	
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.042.240.068)	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>3.154.521.139.412</b>	
1. Hàng tồn kho	V.4	3.154.686.335.827	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(165.196.415)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>552.205.079.670</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5	107.509.865.655	
2. Thuế GTGT được khấu trừ		139.544.623.271	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		963.298.025	
4. Tài sản ngắn hạn khác		304.187.292.719	
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>9.894.763.862.512</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.250.821.426</b>	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		1.459.895.117	
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		0	
3. Phải thu dài hạn nội bộ		0	
4. Phải thu dài hạn khác		25.000.000	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(234.073.691)	



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: đồng

	Thuyết minh	31/12/2007	01/12/2006
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>8.558.944.080.184</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	1.171.536.652.177	
- Nguyên giá		2.108.212.440.575	
- Giá trị hao mòn lũy kế		(936.675.788.398)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.7	1.138.509.077	
- Nguyên giá		5.111.678.757	
- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.973.169.680)	
3. Tài sản cố định vô hình	V.8	28.028.078.388	
- Nguyên giá		34.088.156.399	
- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.060.078.011)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	7.358.240.840.542	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.10	<b>208.745.284.948</b>	
- Nguyên giá		233.746.540.322	
- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.001.255.374)	
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>960.976.588.276</b>	
1. Đầu tư vào công ty con			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		624.000.922.332	
3. Đầu tư dài hạn khác	V.11	336.975.665.944	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
<b>V. Lợi thế thương mại</b>			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>164.847.087.678</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	163.285.736.037	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
3. Tài sản dài hạn khác		1.561.351.641	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>19.242.695.805.399</b>	

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2007	01/12/2006
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>16.434.029.518.689</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>7.471.339.656.360</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	V.13	1.930.958.733.758	
2. Phải trả người bán		1.033.570.422.126	
3. Người mua trả tiền trước		2.595.389.145.301	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	162.483.953.725	
5. Phải trả người lao động		90.010.410.230	
6. Chi phí phải trả	V.15	987.825.887.117	
7. Phải trả ngắn hạn nội bộ			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.16	669.318.942.230	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.782.161.873	
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>8.962.689.862.329</b>	
1. Phải trả dài hạn người bán		492.712.061.801	
2. Phải trả dài hạn nội bộ			
3. Phải trả dài hạn khác		1.106.440.056.385	
4. Vay và nợ dài hạn	V.17	7.355.579.869.116	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		91.645.056	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		7.109.229.971	
7. Dự phòng phải trả dài hạn		757.000.000	
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.762.740.931.569</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	<b>1.724.976.794.267</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.499.851.500.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần		15.680.712.009	
3. Vốn khác của chủ sở hữu		4.766.248.342	
4. Cổ phiếu quỹ			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(201.524.809.081)	
7. Quỹ đầu tư phát triển		55.122.290.678	
8. Quỹ dự phòng tài chính		8.686.883.650	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		340.275.876	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		342.053.692.793	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>37.764.137.302</b>	
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		32.112.901.580	
2. Nguồn kinh phí		4.768.613.174	
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		882.622.548	
<b>C. Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	V.17	<b>1.045.925.355.141</b>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>19.242.695.805.399</b>	

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

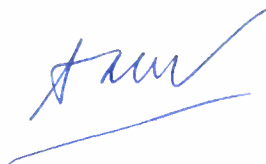
Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2007	01/12/2006
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		6.286.270.662	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		2.416.992.170	
		1.660.174.615	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.660.174.615	
5. Ngoại tệ các loại			
USD		4.598.307	
EUR		57.326.377	
JPY		4.078.743.892,00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự			

Lập biểu



Nguyễn Thủy Nga

Kế toán trưởng



Trần Văn Tâm

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2008

Tổng Giám đốc



Trương Quang Nghĩa

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng
		Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	7.056.387.102.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	8.836.538.477
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.047.550.564.216
4. Giá vốn hàng bán	VI.3	6.085.548.723.492
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		962.001.840.724
6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	124.919.447.811
7. Chi phí hoạt động tài chính	VI.5	249.554.917.324
- Trong đó: Chi phí lãi vay		229.894.166.488
8. Chi phí bán hàng	VI.6	60.139.613.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	354.388.686.702
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		422.838.071.104
11. Thu nhập khác	VI.8	81.124.640.698
12. Chi phí khác	VI.9	39.253.806.997
13. Lợi nhuận khác		41.870.833.701
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh		11.602.570.156
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		476.311.474.961
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		41.890.894.629
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		146.120.020
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		434.274.460.312
19. Thu nhập/(lỗ) thuộc các cổ đông thiểu số		110.430.428.078
20. Thu nhập/(lỗ) sau thuế của Tổng Công ty		323.844.032.234
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.159

Lập biểu



Nguyễn Thúy Nga

Kế toán trưởng



Trần Văn Tám

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2008

Tổng Giám đốc



Trương Quang Nghĩa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Thuyết Minh	Đơn vị tính: đồng
		Năm 2007
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế		476.311.474.961
2. Điều chỉnh cho các khoản		402.010.704.816
- Khấu hao tài sản cố định		242.952.873.634
- Các khoản dự phòng		6.441.510.174
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(93.718.528)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(77.184.126.952)
- Chi phí lãi vay		229.894.166.488
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		878.322.179.777
- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.068.262.242.997)
- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.154.686.335.827)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.029.910.554.664
- Tăng, giảm chi phí trả trước		(270.795.601.692)
- Tiền lãi vay đã trả		(219.764.423.834)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(82.034.556.850)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.112.897.844.665
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.084.192.346.813)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.858.604.928.907)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.095.093.143.297)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		23.216.586.126
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(314.072.408.769)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		68.132.185.241
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(596.235.472.372)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.427.728.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		57.175.927.260
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(3.855.448.597.811)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Thuyết Minh	Năm 2007
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.060.357.551.893
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(555.650.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		12.437.912.444.150
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.151.373.841.276)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(1.456.979.492)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(22.703.853.193)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>10.322.179.672.082</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>1.608.126.145.364</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		93.718.528
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>1.608.219.863.892</b>

Lập biểu



Nguyễn Thúy Nga

Kế toán trưởng



Trần Văn Tám

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2008

Long Giám đốc



Trương Quang Nghĩa

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH năm 2007

từ ngày 01/12/2006 và kết thúc ngày 31/12/2007

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo Tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam là Tổng Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam (Tổng Công ty Nhà nước). Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103014768 ngày 01/12/2006.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tòa nhà Vinaconex, khu đô thị mới Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103014768 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 01/12/2006, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế điện đến 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm lợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa, các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Dịch vụ mua, bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;
- Thiết kế kết cấu đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;

- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty TNHH;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty TNHH đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh và các doanh nghiệp có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt, may công nghiệp;
- Dịch vụ mua, bán và chế biến hàng nông, lâm: gỗ tròn, gỗ sơ chế, gỗ tinh chế, cà phê nhân và nông sản các loại (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển;
- Tổ chức các hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

#### 4. Tổng số các công ty con

- Số lượng Công ty con: 44 công ty.
- Số lượng Công ty con được hợp nhất: 44 Công ty.

#### 5. Danh sách các Công ty con được Hợp Nhất

Số TT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích theo vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích theo cơ cấu vốn điều lệ
1	Công ty CP xây dựng số 1	51,00%	51,00%
2	Công ty CP xây dựng số 2	51,01%	51,00%
3	Công ty CP xây dựng số 3	51,00%	51,00%
4	Công ty xây dựng số 4	100,00%	100,00%
5	Công ty CP xây dựng số 5	51,00%	51,00%
6	Công ty CP xây dựng số 6	51,00%	51,00%
7	Công ty CP xây dựng số 7	51,00%	51,00%
8	Công ty CP xây dựng số 9	25,64%	54,33%
9	Công ty CP xây dựng số 10	74,67%	75,00%
10	Công ty CP xây dựng số 11	51,38%	51,74%

Số TT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích theo vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích theo cơ cấu vốn điều lệ
11	Công ty CP xây dựng số 12	37,52%	51,00%
12	Công ty CP xây dựng số 15	51,00%	51,00%
13	Công ty xây dựng số 16 (Nghệ An)	36,69%	53,08%
14	Công ty CP xây dựng số 17	79,27%	79,00%
15	Công ty CP TV và ĐT XD VINACONEX – 18	61,47%	61,47%
16	Công ty Cơ khí ống thép XD – 20	29,63%	59,67%
17	Công ty xây dựng số 21	60,59%	51,00%
18	Công ty xây lắp VINACONEX 25	51,00%	51,00%
19	Công ty VINACONEX Đồng Tháp – 27	73,41%	73,41%
20	Công ty CP Đtr XD và PT hạ tầng – 34	35,84%	51,00%
21	Công ty CP Tư Vấn và ĐT - 36	59,38%	51,00%
22	Công ty CP Đầu tư PT giao thông Vinaconex 39	81,00%	51,00%
23	Công ty CP Đầu tư và XD số 45	26,14%	53,50%
24	Công ty CP Cơ giới LM và XD	51,40%	51,40%
25	Công ty CP VINACONEX Sài Gòn	63,33%	63,00%
26	Công ty CP Kinh doanh VINACONEX	60,00%	60,00%
27	Công ty CP Tư vấn XD	28,07%	51,00%
28	Công ty CP Tư vấn ĐTXD và ứng dụng CN mới	51,00%	51,00%
29	Công ty CP Đá ốp lát cao cấp	53,79%	56,47%
30	Công ty XD và XNK Quyết thắng	54,88%	56,00%
31	Công ty CP Bê tông và XD Xuân Mai	51,00%	51,00%
32	Công ty Xi măng VINACONEX - Lương sơn	55,01%	55,00%
33	Công ty CP XM Yên Bình	48,04%	81,62%
34	Công ty CP Phát triển nhân lực và TM VN	66,00%	70,00%
35	Công ty CP trang trí nội thất	75,61%	76,00%
36	Công ty CP Khách sạn Suối mơ	56,47%	68,33%
37	Công ty CP Đầu tư và Dvụ đô thị VN	80,58%	81,00%
38	Công ty CP thủy điện Cửa Đạt	47,93%	51,00%
39	Công ty CP điện miền bắc 2	55,62%	58,69%
40	Công ty CP ĐT XD và KD nước sạch	59,54%	51,00%
41	Công ty CP Siêu thị & XNK Thương mại VN	51,68%	52,33%
42	Công ty CP ĐT và PT KCN, KĐT Vinaconex IPC	51,00%	51,00%
43	Công ty CP nhân lực và TM Vinaconex MEC	71,79%	72,00%
44	Công ty CP ĐTPT nhà và đô thị Vinaconex VINAHUD	98,23%	98,00%



**6- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

S ố TT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích theo vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích theo cơ cấu vốn điều lệ
1	Công ty CP XD công trình ngầm VINAVICO	30,00%	30,00%
2	Công ty CP Bao bì VINACONEX	21,25%	21,25%
3	Công ty CP ĐT & TMại VINACONEX UPGC	25,00%	25,00%
4	Công ty CP Bê tông VINACONEX Phan Vũ	25,00%	25,00%
5	Công ty CP Đầu tư và PT điện Bắc Miền trung	13,00%	25,00%
6	Công ty CP ĐT và PT đô thị Vinaconex - Hoàng Thành	4,69%	25,00%
7	Công ty CP dịch vụ bảo vệ	30,00%	30,00%
8	Công ty CP đầu tư và kinh doanh TM Vinaconex	14,00%	30,00%
9	Công ty liên doanh Vinaconex Taisei	29,00%	29,00%
10	Công ty liên doanh phát triển đô thị mới An Khánh	50,00%	50,00%

**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Niên độ kế toán**

Năm tài chính đầu tiên của Tổng Công ty từ ngày 01/12/2006 đến ngày 31/12/2007.

Các năm tài chính tiếp theo của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.



Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

## **6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
  - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
  - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **8. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Theo chuẩn mực kế toán số 25 “báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”, đoạn 17 quy định “Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán là khác nhau, công ty con phải lập thêm một bộ báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất có kỳ kế toán trùng với kỳ kế toán của tập đoàn. Trong trường hợp điều này không thể thực hiện được, các báo cáo tài chính có thể được lập vào thời điểm khác nhau có thể được sử dụng miễn là thời gian chênh lệch đó không vượt quá 3 tháng” Theo đó báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở báo cáo tài chính của Khối văn phòng Tổng Công ty (công ty mẹ) có kỳ kế toán từ 01/12/2006 đến 31/12/2007 và Báo cáo tài chính của các công ty con có kỳ kế toán từ 01/01/2007 đến 31/12/2007, phương pháp lập như sau:

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sẽ được hợp nhất theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập khác và chi phí.

Số dư các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán của các giao dịch trong cùng Tổng Công ty được loại trừ.

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con phải được loại trừ.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con bị hợp nhất được xác định và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần nợ phải trả và phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ.

Các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tổng Công ty, bao gồm các khoản doanh thu, các khoản chi phí, cổ tức được loại trừ. Các khoản lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ nằm trong giá trị còn lại của tài sản, như hàng tồn kho và tài sản cố định cũng được loại trừ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được khấu trừ khi xác định giá trị ghi sổ của tài sản cũng được loại bỏ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

<b>1. Tiền</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>
- Tiền mặt tại quỹ	74.883.223.887
- Tiền gửi ngân hàng	1.367.186.640.005
- Tiền đang chuyển	2.000.000.000
- Các khoản tương đương tiền	164.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.608.219.863.892</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	22.100.000
- Đầu tư ngắn hạn khác	267.415.944.820
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	
<b>Cộng</b>	<b>267.438.044.820</b>
<b>3. Các khoản phải thu khác</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>
- Phải thu về cổ phần hoá	180.029.368
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	847.115.128
- Phải thu người lao động	12.089.231.314
- Cho vay ngắn hạn	
- Phải thu khác	436.011.851.063
<b>Cộng</b>	<b>449.128.226.873</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>
- Hàng mua đang đi đường	337.649.706
- Nguyên liệu, vật liệu	200.330.797.675
- Công cụ, dụng cụ	14.526.040.391
- Chi phí SX, KD dở dang	2.757.001.211.751
- Thành phẩm	144.891.471.011
- Hàng hóa	23.064.444.805
- Hàng gửi đi bán	14.534.720.488
<b>Cộng</b>	<b>3.154.686.335.827</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

31/12/2007

**VND**

- Công cụ dụng cụ	28.228.069.930
- Chi phí bảo hiểm	208.845.038
- Chi phí khác	79.072.950.687
<b>Cộng</b>	<b>107.509.865.655</b>

**6. Tăng giảm TSCĐ hữu hình (chi tiết theo phụ lục 1)**

**7. Tăng giảm TSCĐ thuê tài chính**

<b>Khoản mục</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>			
Số dư 01/12/2006			
Thuê tài chính trong Năm nay	1.919.736.671	3.191.942.086	5.111.678.757
Mua lại TSCĐ thuê tài chính			
Tăng khác			
Trả lại TSCĐ thuê tài chính			
Giảm khác			
Số dư 31/12/2007	1.919.736.671	3.191.942.086	5.111.678.757
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư 01/12/2006			
Khấu hao trong Năm nay		327.021.108	327.021.108
Mua lại TSCĐ thuê tài chính			
Tăng khác	1.919.736.671	1.726.411.901	3.646.148.572
Trả lại TSCĐ thuê tài chính			
Giảm khác			
Số dư 31/12/2007	1.919.736.671	2.053.433.009	3.973.169.680
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính			
Số dư 01/12/2006			
Số dư 31/12/2007		1.138.509.077	1.138.509.077

**8. Tăng giảm TSCĐ vô hình (chi tiết theo phụ lục 2)**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)**

### **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

**31/12/2007**

**VND**

**Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

**7.358.240.840.542**

*Trong đó*

#### **Các công trình chính**

- Tầng 34 nhà 34T Trung Hòa - Nhân Chính	6.201.367.991
- Dự án xi măng Cẩm Phả	4.137.277.987.030
- Dự án đường Láng - Hoà Lạc (GPMB)	120.598.313.650
- Dự án nước Sông Đà	980.916.190.484
- Dự án khu công nghệ cao Hòa Lạc	112.409.362.801
- Dự án Bắc Phú Cát	50.825.492.700
- Khu nhà ở cao tầng Vinaconex Thảo Điền	238.453.818.318
- Khu đô thị du lịch Cái Giá- Cát Bà	42.469.048.524
- Công trình Vụng Hương	10.084.790.678
- Trung tâm thương mại Thanh Hóa	7.814.663.045
- Trung tâm thương mại Hà Đông	53.703.115.144
- Hệ thống cấp nước Tây trà bông và NM đóng tàu (Quảng Ngãi)	7.711.370.864
- Trụ sở Tổng công ty 34 Láng hạ	33.684.537.776
- Dự án thành phố Yên Bái	22.421.822.614
- Dự án khu đô thị Thái Bình	4.229.956.191
- Dự án nhà ở xã Trung Văn	113.244.103.042
- Dự án nhà 310 Minh Khai	13.745.007.524
- Dự án nhà máy xi măng Yên Bình	888.763.526.691

### **10. Tăng giảm bất động sản đầu tư (chi tiết theo phụ lục 3)**

#### **11. Các khoản đầu tư dài hạn khác**

**31/12/2007**

**VND**

- Đầu tư cổ phiếu	223.365.550.826
- Đầu tư trái phiếu	125.900.000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	
- Cho vay và cho thuê tài chính dài hạn	27.417.483.333
- Đầu tư dài hạn khác	86.066.731.785

**Cộng**

**336.975.665.944**

### **12. Chi phí trả trước dài hạn**

**31/12/2007**

**VND**

- Chi phí thành lập doanh nghiệp	37.503.123.657
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	56.569.500
- Công cụ dụng cụ	18.483.166.710
- Vật tư luân chuyển	13.515.909.962
- Chi phí sửa chữa lớn	2.876.340.396
- Chi phí lãi vay	8.111.761.811
- Chi phí khác	82.738.864.001
<b>Cộng</b>	<b>163.285.736.037</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)**

<b>13. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>
a. Vay và nợ ngắn hạn	
- Vay ngắn hạn ngân hàng	1.506.733.380.168
- Vay ngắn hạn tổ chức	246.542.484.381
- Vay ngắn hạn cá nhân	97.518.279.385
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả ngân hàng	51.139.677.377
- Nợ dài hạn đến hạn trả tổ chức	28.856.603.622
- Nợ dài hạn đến hạn trả cá nhân	168.308.825
<b>Cộng</b>	<b>1.930.958.733.758</b>
<b>14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	103.842.989.066
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	72.760.888
- Thuế xuất, nhập khẩu	4.133.367.509
- Thuế TNDN	36.083.475.361
- Thuế thu nhập cá nhân	1.294.954.145
- Thuế tài nguyên	148.525.858
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	15.849.845.937
- Các loại thuế khác	1.058.034.961
<b>Cộng</b>	<b>162.483.953.725</b>
<b>15. Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>
- Trích trước chi phí hoạt động kinh doanh	891.712.661.598
- Trích trước lãi sử dụng vốn	41.427.046.952
- Trích trước khác	54.686.178.567
<b>Cộng</b>	<b>987.825.887.117</b>
<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	39.353.804
- Kinh phí công đoàn	8.329.751.798
- Bảo hiểm xã hội	3.798.223.308
- Bảo hiểm y tế	637.512.303
- Phải trả về cổ phần hoá	347.581.346
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.190.000
- Doanh thu chưa thực hiện	115.253.468.474
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	540.762.861.197
<b>Cộng</b>	<b>669.318.942.230</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)

17. Vay và nợ dài hạn	31/12/2007
	VND
- Vay và nợ ngân hàng	5.925.095.743.333
- Vay và nợ tổ chức	385.640.297.199
- Vay và nợ cá nhân	44.843.828.584
- Phát hành trái phiếu	1.000.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.355.579.869.116</b>

18. Vốn chủ sở hữu	Lợi ích của Cổ đông thiểu số tại 31/12/07	Số dư trên BCTC hợp nhất tại 31/12/2007
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740.095.240.580	1.499.851.500.000
- Thặng dư vốn cổ phần	158.178.796.915	15.680.712.009
- Vốn khác của chủ sở hữu	2.321.553.805	4.766.248.342
- Cổ phiếu quỹ	-	-
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(782.322.576)	(201.524.809.081)
- Quỹ đầu tư phát triển	52.266.181.427	55.122.290.678
- Quỹ dự phòng tài chính	8.222.907.348	8.686.883.650
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	330.677.925	340.275.876
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	85.292.319.717	348.445.601.653
<b>Cộng</b>	<b>1.045.925.355.141</b>	<b>1.731.368.703.127</b>

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

1. Doanh thu	Năm 2007
	VND
- Doanh thu bán hàng	3.266.550.441.060
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.195.653.990.039
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (Đối với doanh nghiệp có hoạt động xây lắp)	2.594.182.671.594
<b>Cộng</b>	<b>7.056.387.102.693</b>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2007
	VND
- Chiết khấu thương mại	5.498.956.903
- Giảm giá hàng bán	2.407.409.342
- Hàng bán bị trả lại	930.172.232
<b>Cộng</b>	<b>8.836.538.477</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)

### 3. Giá vốn hàng bán

Năm 2007

VND

- Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.950.563.175.517
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.323.409.559.494
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	811.575.988.481
<b>Cộng</b>	<b>6.085.548.723.492</b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2007

VND

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	99.812.850.200
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.696.921.232
- Lãi bán chứng khoán	11.675.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	680.991.439
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	359.324.592
- Lãi bán hàng trả chậm	113.701.300
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	22.243.983.848
<b>Cộng</b>	<b>124.919.447.811</b>

### 5. Chi phí hoạt động tài chính

Năm 2007

VND

- Lãi tiền vay	229.894.166.488
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	142.272.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.819.597.109
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.176.329
- Chi phí tài chính khác	17.660.705.398
<b>Cộng</b>	<b>249.554.917.324</b>

### 6. Chi phí bán hàng

Năm 2007

VND

- Chi phí nhân viên	9.042.182.930
- Chi phí nguyên vật liệu	6.663.802.200
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	811.404.962
- Chi phí bảo hành nhà chung cư	6.466.816.348
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.855.701.742
- Chi phí bằng tiền khác	7.299.705.223
<b>Cộng</b>	<b>60.139.613.405</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)**

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Năm 2007**

**VND**

- Chi phí nhân viên	165.097.039.119
- Chi phí nguyên vật liệu	5.536.708.365
- Chi phí đồ dùng văn phòng	8.277.836.521
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.968.242.079
- Thuế, phí và lệ phí	7.530.950.632
- Phân bổ lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu	55.473.016.216
- Chi phí dự phòng	2.236.131.345
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.325.540.658
- Chi phí bằng tiền khác	60.943.221.767
<b>Cộng</b>	<b>354.388.686.702</b>

**8. Thu nhập khác**

**Năm 2007**

**VND**

- Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	39.338.323.516
- Giá trị công trình được cắt giảm theo quyết toán do TCT làm chủ đầu tư	10.765.393.103
- Thu nhập công nợ không đối tượng	2.762.488.320
- Thu nhập khác	28.258.435.759
<b>Cộng</b>	<b>81.124.640.698</b>

**9. Chi phí khác**

**Năm 2007**

**VND**

- Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	22.957.930.225
- Xử lý hàng tồn kho	362.483.206
- Chi phí khác	15.933.393.566
<b>Cộng</b>	<b>39.253.806.997</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2007 (từ 01/12/2007 đến 31/12/2007)**

**VII. Những thông tin khác**

**Số liệu so sánh**

Năm 2007 là năm hoạt động đầu tiên của Tổng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt nam nên không có số liệu so sánh với năm trước (Theo thông tư số 40/2004/TT-BTC ngày 13 tháng 05 năm 2004 của Bộ Tài Chính thì số liệu từ Công ty Nhà nước chuyển sang Công ty Cổ phần thì hạch toán là số phát sinh của Công ty Cổ phần

Lập biểu



Nguyễn Thúy Nga

Kế toán trưởng



Trần Văn Tám

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2008

Tổng Giám đốc



Trương Quang Nghĩa



**Phụ lục 1**

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: đồng	
					Tổng cộng	
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư 01/12/2006						
Mua trong Năm nay	11.243.979.551	99.107.291.647	56.329.908.816	8.118.505.427	174.799.685.441	
Đầu tư XDCB hoàn thành	102.582.554.670	1.474.163.150		1.676.846.157	105.733.563.977	
Tặng khác	486.289.145.790	1.108.037.392.815	256.668.818.055	69.867.870.805	1.920.863.227.465	
Chuyển sang bất động sản đầu tư						
Thanh lý, nhượng bán	(3.553.470.738)	(9.678.403.334)	(5.490.652.457)	(1.932.362.774)	(20.654.889.303)	
Giảm khác	(11.267.189.101)	(55.788.397.599)	(4.955.508.645)	(518.051.660)	(72.529.147.005)	
Số dư 31/12/2007	585.295.020.172	1.143.152.046.679	302.552.565.769	77.212.807.955	2.108.212.440.575	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư 01/12/2006						
Khấu hao trong Năm nay	26.727.873.990	142.689.335.586	38.378.289.040	9.511.929.080	217.307.427.696	
Tặng khác	99.168.427.057	471.364.304.470	131.763.625.818	38.374.194.120	740.670.551.465	
Chuyển sang bất động sản đầu tư						
Thanh lý, nhượng bán	(1.650.224.423)	(8.000.410.569)	(4.421.592.346)	(1.842.634.386)	(15.914.861.724)	
Giảm khác	(432.092.543)	(665.216.416)	(3.768.627.180)	(521.392.900)	(5.387.329.039)	
Số dư 31/12/2007	123.813.984.081	605.388.013.071	161.951.695.332	45.522.095.914	936.675.788.398	
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
Số dư 01/12/2006						
Số dư 31/12/2007	461.481.036.091	537.764.033.608	140.600.870.437	31.690.712.041	1.171.536.652.177	

**Phụ lục 2**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: đồng					
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
Số dư 01/12/2006					
Mua trong Năm nay	18.118.941.373		18.000.000	347.541.855	18.484.483.228
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					
Tăng do hợp nhất kinh doanh					
Tăng khác	18.064.353.593		1.104.500.000	7.861.245.778	27.030.099.371
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác	(10.246.426.200)			(1.180.000.000)	(11.426.426.200)
Số dư 31/12/2007	25.936.868.766		1.122.500.000	7.028.787.633	34.088.156.399
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/12/2006					
Khấu hao trong Năm nay	913.830.720		152.319.447	1.710.639.550	2.776.789.717
Tăng khác	1.260.642.542		320.273.553	2.199.139.234	3.780.055.329
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác				(496.767.035)	(496.767.035)
Số dư 31/12/2007	2.174.473.262		472.593.000	3.413.011.749	6.060.078.011
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
Số dư 01/12/2006					
Số dư 31/12/2007	23.762.395.504		649.907.000	3.615.775.884	28.028.078.388

### Phụ lục 3

#### 10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Đơn vị tính: đồng
					Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư 01/12/2006					
Mua trong Năm nay	9.627.543.200	172.571.267.570		34.712.176.113	216.910.986.883
Đầu tư XD/CB hoàn thành					
Tăng khác		1.938.555.258	6.665.399.077	44.326.326.401	52.930.280.736
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác		(36.094.727.297)			(36.094.727.297)
Số dư 31/12/2007	9.627.543.200	138.415.095.531	6.665.399.077	79.038.502.514	223.746.540.322
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/12/2006					
Khấu hao trong Năm nay	387.377.892	18.924.753.052	170.674.768	3.058.829.401	22.541.635.113
Tăng khác		817.070.333	316.816.518	3.864.788.142	4.998.674.993
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác		(2.539.054.732)			(2.539.054.732)
Số dư 31/12/2007	387.377.892	17.202.768.653	487.491.286	6.923.617.543	25.001.255.374
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/12/2006					
Số dư 31/12/2007	9.240.165.308	121.212.326.878	6.177.907.791	72.114.884.971	208.745.284.948